TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/4/2025
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Lệ Oanh.
2. Ông Nguyễn Đình Chiến.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2024 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khưu Thị Ngọc V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ D, ấp R, xã T, thành phố H, Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ D, ấp R, xã T, thành phố H, Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Khưu Thị Ngọc V trình bày: Bà và ông Huỳnh Tấn Đ kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2013. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông Đ ham chơi không lo

làm ăn, bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi và còn đánh đập bà. Do không thể chung sống cùng ông Đ được nữa nên bà có làm đơn yêu cầu ly hôn ông Đ vào tháng 8/2024 nhưng bà rút đơn, để đoàn tụ hàn gắn lại với ông Đ nhưng sau thời gian về chung sống lại không hạnh phúc nên bà tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Q, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2015, hiện nay con đang sống cùng bà, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận cho bà Khưu Thị Ngọc V ly hôn với ông Huỳnh Tấn Đ. Về con chung, áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc bà V không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà V trình bày không có nên không yêu cầu xem xét. Buộc bà V chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Huỳnh Tấn Đ cư trú tại ấp R, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Tấn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng ông Đ vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Khưu Thị Ngọc V và ông Huỳnh Tấn Đ kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2013. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết bà V vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn, ông Đ đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập ghi nhận ý kiến và hòa giải nhiều lần, nhưng ông Đ đều vắng mặt. Qua xác minh tại ấp R, xã T cho thấy bà V, ông Đ có đăng ký thường trú tại địa phương, hiện nay bà V vẫn còn sinh sống tại địa phương, ông Đ đã bỏ địa phương đi, trước đây ông Đ cùng cha ông Đ và gia đình bà V có đến nhờ ấp xác nhận việc giao con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Q cho gia đình bà V nuôi dưỡng. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà V, ông Đ không còn chung sống một thời gian và hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng. Hôn nhân của bà V, ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Q, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2015, hiện nay con đang sống cùng bà V, khi ly hôn bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy nguyện vọng của cháu Q là được sống cùng mẹ. Mặc khác, khi ông bà không còn chung sống con chung là do bà V trực tiếp chăm sóc, nên việc giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng là tạo điều kiện cho con phát triển về mọi mặt, phù hợp quy

định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, ghi nhận ý kiến bà V không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông Đ thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà V khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Khưu Thị Ngọc V được ly hôn với ông Huỳnh Tấn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Ngọc Q, giới tính nữ, sinh ngày 26/01/2015 cho bà Khưu Thị Ngọc V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà V không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Khưu Thị Ngọc V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0008323 ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tiên, nay bà V không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND thành phố Hà Tiên;*
- *Chi cục THADS thành phố H;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.***Huỳnh Thanh P**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- UBND xã Thuận Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Giang Phước Thành

Giang Phước Thành